

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Công tác rà soát TTHC trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua được quan tâm, chỉ đạo tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Văn phòng Chính phủ.

Năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác rà soát, đánh giá TTHC (*Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 28/01/2022*), yêu cầu các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch rà soát cụ thể, phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị và địa phương, với mục tiêu cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ TTHC mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC, trong đó gắn với chỉ tiêu phấn đấu rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC so với khung thời gian quy định chung của Trung ương; xác định cụ thể 08 nhóm quy định, TTHC trọng tâm thực hiện rà soát, đánh giá; ngoài ra, yêu cầu các sở, ban ngành còn lại, UBND cấp huyện chủ động quyết định việc rà soát các TTHC thuộc phạm vi giải quyết của cơ quan, địa phương mình.

Qua rà soát, tổng số TTHC kiến nghị phương án đơn giản hóa của tỉnh là 07 TTHC (biểu mẫu rà soát và tính toán chi tiết tại phụ lục kèm theo), với lợi ích tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC: 138.770.382 đồng/năm và tỷ lệ cắt giảm chi phí 12,26%; cụ thể như sau:

1. Thủ tục cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, cụ thể:

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ nội dung quy định thành phần hồ sơ “*Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp*”.

- Lý do: Hầu hết công trình thủy lợi (trong phạm vi công trình đầu mối, kênh tưới và vùng phụ cận) không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do

những công trình thủy lợi đã được xây dựng từ trước khi Luật Đất đai có hiệu lực; trong đầu tư mới công trình Chủ đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình nhưng không lập thủ tục xin giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công trình).

(Có Biểu mẫu rà soát kèm theo)

b) Kiến nghị thực thi

Đề xuất bãi bỏ khoản 6 Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.360.795 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.086.696 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 274.099 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 20,14%.

(Có Biểu tính chi phí tuân thủ TTHC kèm theo)

2. Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, cụ thể:

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp*”.

- Lý do: Hầu hết công trình thủy lợi (trong phạm vi công trình đầu mối, kênh tưới và vùng phụ cận) không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do những công trình thủy lợi đã được xây dựng từ trước khi Luật Đất đai có hiệu lực; trong đầu tư mới công trình Chủ đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình nhưng không lập thủ tục xin giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công trình).

(Có Biểu mẫu rà soát kèm theo)

b) Kiến nghị thực thi

Đề xuất bãi bỏ khoản 6 Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23.122.867 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 19.002.072 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.120.795 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 17,82%.

(Có Biểu tính chi phí tuân thủ TTHC kèm theo)

3. Thủ tục đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II và III CITES, cụ thể:

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên*”.

- Lý do: Việc xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên của cùng 01 (một) loài tại nhiều cơ sở nuôi sẽ trùng lặp nội dung tham vấn cũng như phúc đáp của Viện Tài nguyên và sinh vật làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính cũng như các chi phí có liên quan.

(Có Biểu mẫu rà soát kèm theo)

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ khoản 8 Điều 1 Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.778.788 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.402.273 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 376.515 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 2,386%.

(Có Biểu tính chi phí tuân thủ TTHC kèm theo)

4. Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp, cụ thể:

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân*”.

- Lý do: Hiện nay, Chính phủ đang triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 -2025, tầm nhìn đến năm 2030; theo đó, khi thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc

không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Như vậy, khi thực hiện thủ tục Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp đối với người Việt Nam thì việc quy định thành phần hồ sơ gồm bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân là không cần thiết, bởi vì thông tin này đã được cập nhật đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Dựa trên thông tin được khai đầy đủ trong Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép lái xe của công dân thì công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh có thể truy cập Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tra cứu đầy đủ thông tin liên quan đến giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của công dân đó.

(Có Biểu mẫu rà soát kèm theo)

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 3 Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải): Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.283.101.978 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.198.822.541 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 84.279.437 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 1,2%.

(Có Biểu tính chi phí tuân thủ TTHC kèm theo)

5. Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (Trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử): cắt giảm thành phần hồ sơ “Văn bản ủy quyền của người có trách nhiệm đăng ký khai tử”, cụ thể:

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Văn bản ủy quyền của người có trách nhiệm đăng ký khai tử*”.

- Lý do:

+ Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch năm 2014, người có trách nhiệm đi khai tử là vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết.

+ Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định: “*Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 Luật Hộ tịch (sau đây gọi là yêu cầu đăng ký hộ tịch) được ủy quyền cho người khác thực hiện thay; ... Việc ủy quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng*

thực”. Việc quy định phải có văn bản ủy quyền đối với các trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử là không cần thiết.

(Có Biểu mẫu rà soát kèm theo)

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP nội dung: “3. Trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch thì không phải có văn bản ủy quyền của người có trách nhiệm đăng ký khai tử nhưng phải thống nhất với người có trách nhiệm đăng ký khai tử về các nội dung đăng ký khai tử”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 42.130.055 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 31.327.863 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 10.802.192 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 13.33%.

(Có Biểu tính chi phí tuân thủ TTHC kèm theo)

6. Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch, cụ thể:

a) Nội dung kiến nghị đơn giản hóa:

- Đề nghị bỏ bớt thành phần hồ sơ:

+ Bản sao giấy tờ tùy thân còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình bản chính để đối chiếu);

+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó.

- Lý do: Vì TTHC sửa sai sót trong hợp đồng giao dịch được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng, giao dịch; do vậy tại cơ quan thực hiện thủ tục sửa sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã có lưu 01 bộ hồ sơ hợp đồng, giao dịch đã chứng thực với đầy đủ các thành phần hồ sơ nêu trên. Việc yêu cầu 02 thành phần hồ sơ trên là không cần thiết, rườm rà, làm tăng chi phí đối với tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

(Có Biểu mẫu rà soát kèm theo)

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 58.340.160 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 44.404.096 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 13.936.064 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,9%.

(Có Biểu tính chi phí tuân thủ TTHC kèm theo)

7. Thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề được (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề được nhưng Chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được) theo hình thức xét hồ sơ, cụ thể:

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu”.

- Lý do: Việc cấp chứng chỉ hành nghề được trong thành phần hồ sơ đã có lý lịch tư pháp thể hiện đầy đủ các thông tin về cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề được (họ, tên, năm sinh, số CMND, CCCD, ngày, tháng, năm cấp, nơi cấp)... Vì vậy, thêm bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước là không cần thiết khi thực hiện thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề được.

(Có Biểu mẫu rà soát kèm theo)

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định tại Khoản 6 Điều 24 Luật Được năm 2016: Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 354.837.720 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 329.856.440 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 24.981.280 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 7,04%.

(Có Biểu tính chi phí tuân thủ TTHC kèm theo)

8. Ngoài việc rà soát, kiến nghị cắt giảm thành phần hồ sơ của TTHC theo Kế hoạch thực hiện công tác rà soát TTHC tại Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 28/01/2022 nêu trên, một số đơn vị trên địa bàn tỉnh đã chủ động tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, cá nhân so với quy định của Trung ương, cụ thể:

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cắt giảm thời gian giải quyết 02 TTHC thuộc lĩnh vực lưu trú, dịch vụ du lịch, cụ thể:

- Thủ tục Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch, thời

hạn giải quyết theo quy định 30 ngày làm việc đã rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 25 ngày làm việc; giảm 05 ngày làm việc so với quy định.

- Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, thời hạn giải quyết theo quy định 20 ngày làm việc đã rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 15 ngày làm việc; giảm 05 ngày làm việc so với quy định.

b) Sở Khoa học và Công nghệ cắt giảm thời gian giải quyết 04 TTHC thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ và hạt nhân, cụ thể:

- Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, thời hạn giải quyết theo quy định 04 ngày làm việc đã rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 03 ngày làm việc; giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Thủ tục Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, thời hạn giải quyết theo quy định 10 ngày đã rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 07 ngày; giảm 03 ngày so với quy định.

- Thủ tục Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế), thời hạn giải quyết theo quy định 07 ngày làm việc đã rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 05 ngày làm việc; giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cắt giảm thời gian giải quyết 02 TTHC thuộc lĩnh vực việc làm, cụ thể:

- Thủ tục Gia hạn giấy phép lao động cho lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, thời hạn giải quyết theo quy định 05 ngày làm việc đã rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 03 ngày làm việc; giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

- Thủ tục Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, thời hạn giải quyết theo quy định 10 ngày làm việc đã rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 08 ngày làm việc; giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Công tác rà soát, đánh giá TTHC được Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai và được các sở, ban ngành và địa phương thực hiện nghiêm túc, có kết quả và theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương. Các phương án, sáng kiến đơn giản hóa tập trung vào những nội dung: Kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, cắt giảm các thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện không cần thiết, gây phiền hà, tốn kém, mất nhiều thời gian thực hiện của cá nhân, tổ chức, đề xuất nhóm TTHC liên thông; rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ TTHC cho cá nhân, tổ chức so với quy định của Trung ương.

III. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Bộ Y tế

Đề xuất Chính phủ xem xét, trình Quốc hội xem xét, bãi bỏ về thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu” tại Khoản 6 Điều 24 Luật Dược ngày 29/6/2016, khi thực hiện thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dược.

2. Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Đề xuất Chính phủ xem xét bãi bỏ quy định về thành phần hồ sơ “*Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp*” tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ, khi thực hiện thủ tục Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, thủ tục Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

- Đề xuất Chính phủ xem xét bãi bỏ quy định về thành phần hồ sơ “*Các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên*” tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ, khi thực hiện thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II và III CITES.

3. Kiến nghị Bộ Tư pháp

- Xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020: “3. *Trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch thì không phải có văn bản ủy quyền của người có trách nhiệm đăng ký khai tử nhưng phải thống nhất với người có trách nhiệm đăng ký khai tử về các nội dung đăng ký khai tử*”, khi thực hiện thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (Trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử).

- Xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, khi thực hiện thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch.

4. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Xem xét, bãi bỏ quy định về thành phần hồ sơ “*Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân*” đối với thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp cho người Việt Nam được quy định tại khoản 3 Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Kính báo cáo Văn phòng Chính phủ và các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Giao thông vận tải nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, TTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

CHI PHÍ TUẦN THỨ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỨ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC (BAO GỒM CẢ TRƯỜNG HỢP CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC NHƯNG CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC BỊ THU HỒI THEO QUY ĐỊNH TẠI CÁC KHOẢN 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11

ĐIỀU 28 (QUA LUẬT DƯỢC) THEO HÌNH THỨC XÉT HỒ SƠ

(Kèm theo Báo cáo số 120 /BC-UBND ngày 16 /12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

Sst	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBO/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Soạn thảo, đánh máy, in	1.0	37,064			1	215	37,064	7,968,760	
1.2	Bản sao có chứng thực văn bằng chuyển môn.	Phí photo văn bản				1,000	1	215	1,000	215,000	
		Chi phí đi lại photo và chứng thực	3.0	37,064			1	215	111,192	23,906,280	
		Phí chứng thực			4,000		1,000	1	215	4,000	860,000
1.3	Bản sao chứng thực Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân	Phí photo văn bản				1,000	1	215	1,000	215,000	
		Phí chứng thực bản sao				4,000	1	215	4,000	860,000	
		Chi phí đi lại để photo, chứng thực	3.0	37,064				1	215	111,192	23,906,280
1.4	Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để hành nghề dược do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp	Phí khám sức khỏe				120,000	1	215	120,000	25,800,000	
		Chi phí đi lại để khám sức khỏe	3.0	37,064				1	215	111,192	23,906,280
1.5	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận thời gian thực hành	Phí photo văn bản				1,000	1	215	1,000	215,000	
		Phí chứng thực bản sao	3.0	37,064				1	215	111,192	23,906,280
1.6	Phiếu lý lịch tư pháp	Chi phí đi lại để photo, chứng thực				4,000	1	215	4,000	860,000	
		Phí nộp hồ sơ				200,000	1	215	200,000	43,000,000	
2	Nộp hồ sơ	Chi phí đi lại	3.0	37,064			1	215	111,192	23,906,280	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Di lại nộp hồ sơ	3.0	37,064			1	215	111,192	23,906,280	
4	Công việc khác (nếu có)	Phí nộp hồ sơ				500,000	1	215	500,000	107,500,000	
		Không							0	0	

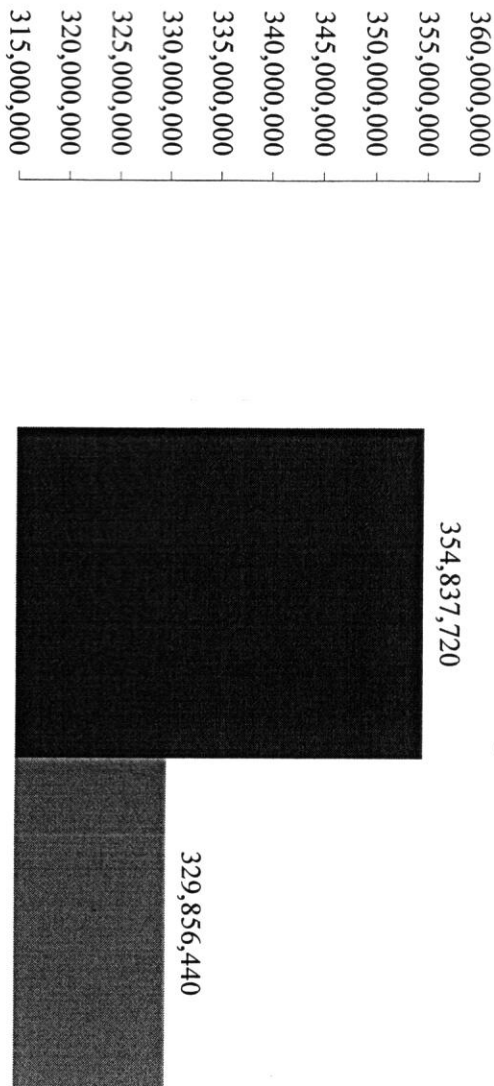
5	Nhận kết quả	Đi lại nhận kết quả trực tiếp	3.0	37,064				1	215	111,192	23,906,280
	TỔNG									1,650,408	354,837,720

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIÁN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được	Soạn thảo, đánh máy, in	1.0	37,064			1	215	37,064	7,968,760	
1.2	Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn.	Phí photo văn bản Chi phí đi lại photo và chứng thực Phí chứng thực	3.0	37,064		1,000	1	215	1,000	215,000	
1.3	Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để hành nghề được do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp	Phí khám sức khỏe Chi phí đi lại để khám sức khỏe	3.0	37,064		4,000	1	215	4,000	860,000	
1.4	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận thời gian thực hành	Phí photo văn bản Phí chứng thực bản sao Chi phí đi lại để photo, chứng thực	3.0	37,064		1,000	1	215	1,000	215,000	
1.5	Phiếu lý lịch tư pháp	Phí nộp hồ sơ Chi phí đi lại	3.0	37,064		200,000	1	215	200,000	43,000,000	
2	Nộp hồ sơ	Đi lại nộp hồ sơ	3.0	37,064			1	215	111,192	23,906,280	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Phí nộp hồ sơ				500,000	1	215	500,000	107,500,000	
4	Công việc khác (nếu có)	Không							0	0	
5	Nhận kết quả	Đi lại nhận kết quả trực tiếp	3.0	37,064			1	215	111,192	23,906,280	
	TỔNG					830,000			1,534,216	329,856,440	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



1000

BIỂU RÀ SOÁT, DÀNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 270 /BC-UBND ngày 16 /12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Cấp Chứng chỉ hành nghề được (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được năm 2016) theo hình thức xét hồ sơ 1.004616.000.00.00.H21
2. Lĩnh vực	Dược phẩm
3. Văn bản quy định về TTHC	<ul style="list-style-type: none">- Luật Được ngày 06/4/2016.- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật được.- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực được, mỹ phẩm.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi
II. RÀ SOÁT, DÀNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	<p>a) Đối với quản lý nhà nước:</p> <p>Mục tiêu a.1: Đảm bảo quản lý hoạt động cấp chứng chỉ hành nghề được đúng theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Mục tiêu a.2:</p> <p>b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:</p> <p>Mục tiêu b.1: Giảm số lượng thành phần hồ sơ của TTHC; giảm thời gian, chi phí thực hiện TTHC của tổ chức, cá nhân.</p>

<p>2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>Mục tiêu b.2:</p> <p>a) Có thay đổi hay không?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu a.1: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không - Mục tiêu a.2: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không - Mục tiêu b.1: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không - Mục tiêu b.2: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <p>b) Có được đáp ứng hay không?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu a.1: <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không - Mục tiêu a.2: <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không - Mục tiêu b.1: <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không - Mục tiêu b.2: <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
<p>3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>a) Duy trì TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>b) Bãi bỏ TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>c) Thay thế TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 24 Luật Dược năm 2016 theo đó: <i>Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu”</i></p> <p>Lý do: Hiện nay, đang triển khai Đề án số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 do đó, cán bộ tư pháp có thể khai thác thông tin của tổ chức, cá nhân trên Cơ sở dữ liệu dân cư để cấp giấy lý lịch tư pháp nên thông tin của căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của công dân được thể hiện đầy đủ trong giấy lý lịch tư pháp. Vì vậy, yêu cầu thành phần hồ sơ “<i>Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân</i>”</p>

		<i>hoặc hộ chiếu” là không cần thiết.</i>	
		e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): <input type="checkbox"/>	
		Lý do:	
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?			
		Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC			
1. Tên thủ tục hành chính			
Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?		Có <input checked="" type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
2. Trình tự thực hiện			
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?		Có <input checked="" type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?		Có <input checked="" type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
3. Cách thức thực hiện			
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?		Có <input checked="" type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
4. Hồ sơ			
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của		Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
(i) Lý do: Hiện nay, đang triển khai Đề án số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Do đó, cán bộ tư			

<p>từng thành phần hồ sơ phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?</p>	<p>pháp có thể khai thác thông tin của tổ chức, cá nhân trên Cơ sở dữ liệu dân cư để cấp giấy lý lịch tư pháp nên thông tin của căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của công dân được thể hiện đầy đủ trong giấy lý lịch tư pháp. Vì vậy, yêu cầu thành phần hồ sơ “<i>Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu</i>” là không cần thiết.</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 24 Luật Được năm 2016 theo đó: <i>Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu”.</i></p>
<p>b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>5. Thời hạn giải quyết</p>	
<p>Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>6. Cơ quan giải quyết</p>	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p>
<p>7. Đối tượng thực hiện</p>	

a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Về phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về mức phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Về mức lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do:

	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị Cấp chứng chỉ hành nghề được (Theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ)	
	Nội dung 1: Họ và tên; ngày tháng năm sinh, địa chỉ, số CMND/CCCD, số điện thoại, văn bằng chuyên môn. Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Để có thông tin cơ bản về người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được. Nội dung 2: Thời gian thực hành tại cơ sở được, ngày tháng năm thực hành, nội dung thực hành. Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Để có thông tin cơ bản về nơi thực hành, thời gian và nội dung thực hành để có căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề được. Nội dung 3: Cấp lần đầu, bị thu hồi, hình thức xét hồ sơ, thi, phạm vi đăng ký hành nghề Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Hiện trạng và nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính của công dân.
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Mẫu đơn, tờ khai 2: Giấy xác nhận thời gian thực hành tại cơ sở thực hành chuyên môn về được (Theo mẫu quy định tại Phụ	

Lục II ban hành kèm theo Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ

		<p>Nội dung 1: Thông tin về cơ sở: Tên cơ sở; địa chỉ, số giấy CNĐBKKDD Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Để có thông tin cơ bản về cơ sở kinh doanh và được xác nhận thời gian thực hành được cho công dân.</p>	
<p>a) Nội dung thông tin</p>		<p>Nội dung 2: Thông tin về người thực hành chuyên môn: Họ và tên, số CMND/CCCD, địa chỉ thường trú Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Thông tin cơ bản về người thực hành chuyên môn về được. Nội dung 3: Thông tin thời gian thực hành: Tên cơ sở, thời gian, nội dung thực hành Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Thông tin về thời gian, nội dung thực hành được để có căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề được</p>	
<p>b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)</p>		<p>Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:</p>	
<p>c) Ngôn ngữ</p>		<p>Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:</p>	
<p>10. Yêu cầu, điều kiện</p>			
<p>TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?</p>		<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p>	
<p>11. Kết quả thực hiện</p>			
<p>a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?</p>		<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p>	

b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật <input checked="" type="checkbox"/>	Sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 24 Luật Dược năm 2016 như sau: Bỏ thành phần hồ sơ “ <i>Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu</i> ”.
b) Pháp lệnh <input type="checkbox"/>
c) Nghị định <input type="checkbox"/>
d) Quyết định của TTCP <input type="checkbox"/>
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch <input type="checkbox"/>
e) Quyết định của Bộ trưởng <input type="checkbox"/>
g) Văn bản khác <input type="checkbox"/>

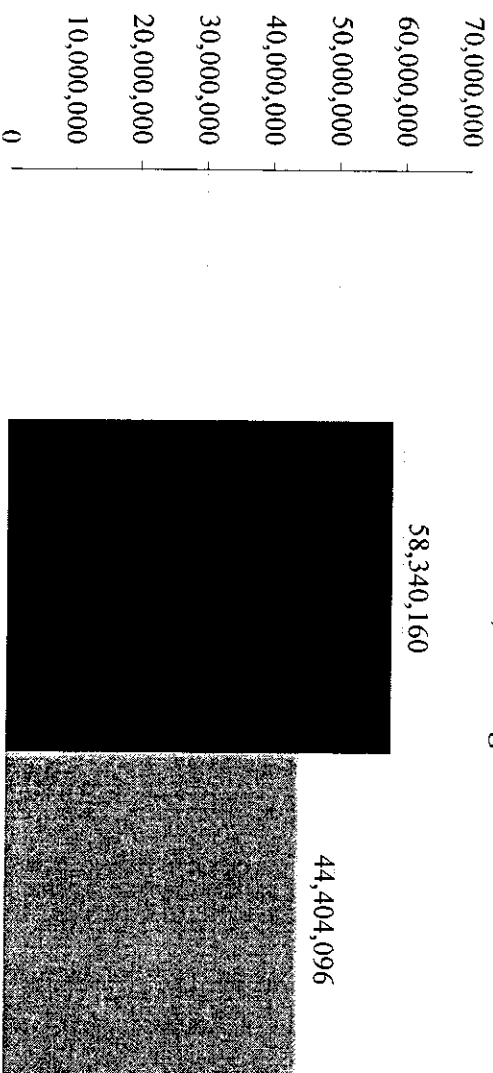
5	Nhận kết quả	Thời gian đi lại để nhận kết quả trực tiếp (1 lượt đi, 1 lượt về)	2.0	37,064		0	1	188	74,128	6,968,032
		Chi phí đi lại				50,000	1	188	50,000	9,400,000
		TỔNG				125,000			424,512	58,340,160

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Vấn bản thỏa thuận về việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Soạn văn bản	2.0	37,064			1	188	74,128	6,968,032	
1.2	Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Đã có sẵn					1	188	0	0	
2	Nộp hồ sơ	Thời gian đi lại để nộp hồ sơ trực tiếp (1 lượt đi, 1 lượt về)	2.0	37,064		0	1	188	74,128	6,968,032	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Chi phí đi lại				50,000	1	188	50,000	9,400,000	
4	Công việc khác (nếu có)	Phí				25,000	1	188	25,000	4,700,000	
		Không						188			
5	Nhận kết quả	Thời gian đi lại để nhận kết quả trực tiếp (1 lượt đi, 1 lượt về)	2.0	37,064		0	1	188	74,128	6,968,032	
		Chi phí đi lại				50,000	1	188	50,000	9,400,000	
		TỔNG				125,000			347,384	44,404,096	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



BIỂU RÀ SOÁT, DÀNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 730/BC-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên TTHC
(+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)

Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
2.000927.000.00.00.H48

2. Lĩnh vực

Chứng thực

3. Văn bản quy định về TTHC

- Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/5/2015 của Chính phủ.
- Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp, Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp
- Thông tư 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính.

4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi

II. RÀ SOÁT, DÀNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?

- a) Đối với quản lý nhà nước:
Mục tiêu a.1: Công tác chứng thực trên địa bàn các xã, phường đạt hiệu quả.
b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:
Mục tiêu b.1: Tiết kiệm chi phí thực hiện TTHC cho cá nhân, tổ chức, giảm bớt hồ sơ không cần thiết.

2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?

- a) Có thay đổi hay không?
- Mục tiêu a.1: Có Không
- Mục tiêu b.1: Có Không
b) Có được đáp ứng hay không?
- Mục tiêu a.1: Có Không

	- Mục tiêu b.1: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	<p>a) Duy trì TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>b) Bãi bỏ TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>c) Thay thế TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p>

4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>
--	---

III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC

1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>

3. Cách thức thực hiện

Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không?

Có Không

4. Hồ sơ

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?

Có Không

(i) Lý do:

Vì thủ tục hành chính sửa sai sót trong hợp đồng giao dịch được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng giao dịch; do vậy tại cơ quan thực hiện thủ tục sửa sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã có lưu 01 bộ hồ sơ hợp đồng giao dịch đã chứng thực với đầy đủ các thành phần hồ sơ nêu trên. Việc yêu cầu 02 thành phần hồ sơ trên là không cần thiết, rườm rà, làm tăng chi phí đối với tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là không):

Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 23 Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ số gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?

Có Không

5. Thời hạn giải quyết

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?

Có Không

6. Cơ quan giải quyết

a) Có được quy định rõ ràng, cụ

Có Không

thế không?	
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Về phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về mức phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Về mức lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có	- Về chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>

hợp lý, hợp pháp không?	(i) Lý do:	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
	- Về mức chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>	
	(i) Lý do:	
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
9. Mẫu đơn, tờ khai		
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>	
	(i) Lý do:	
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
10. Yêu cầu, điều kiện		
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>	(i) Lý do:
		(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện		
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>	
	(i) Lý do: Quy định về thời hạn thực hiện hoạt động.	
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
	(i) Lý do:	
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	

c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật <input type="checkbox"/>
b) Pháp lệnh <input type="checkbox"/>
c) Nghị định <input type="checkbox"/>
d) Quyết định của TTCP <input type="checkbox"/>
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch <input checked="" type="checkbox"/>	Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 23 Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ số gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
e) Quyết định của Bộ trưởng <input type="checkbox"/>
g) Văn bản khác <input type="checkbox"/>

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ KHAI TỬ (TRƯỜNG HỢP NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM ĐĂNG KÝ KHAI TỬ ỦY
QUYỀN CHO ÔNG, BÀ, CHA, MẸ, CON, VỢ, CHỒNG, ANH, CHỊ, EM RƯỢT THỰC HIỆN TTHC)**

(Kèm theo Báo cáo số 1310/BC-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

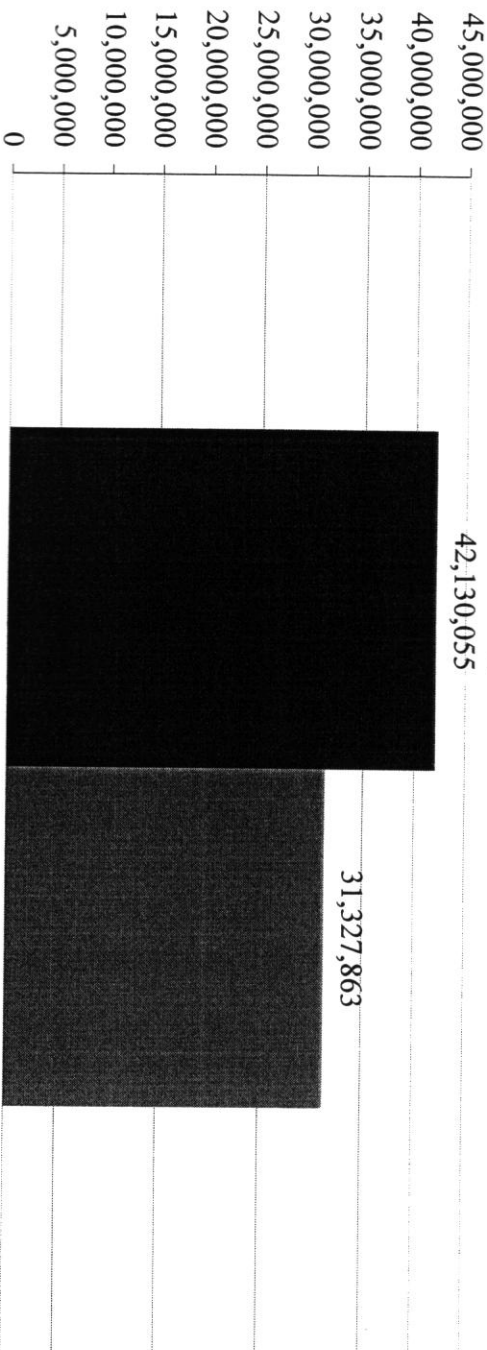
Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thực thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tờ khai đăng ký khai tử	Viết tờ khai	1.0	37,064			1	130	37,064	4,818,371	
1.2	Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Photo hoặc viết cam kết	1.0	37,065	1,000		1	130	38,065	4,948,501	
1.3	Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử.	Cung cấp giấy tờ cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự kiện chết	1.0	37,066			1	130	37,066	4,818,631	
1.4	Văn bản ủy quyền	Nộp hồ sơ trong trường hợp không thực hiện cùng lúc	1.0	37,068			1	130	37,068	4,818,891	
2	Nộp hồ sơ	Soạn thảo văn bản	1.0	37,067			1	130	37,067	4,818,761	
		Thực tiếp	1.0	37,068			1	130	37,068	4,818,891	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Phí cấp bản sao Trích lục				8,000	1	130	8,000	1,040,000	
4	Công việc khác (nếu có)	Đi lại nộp hồ sơ, nhận kết quả	1.5	37,070			1	130	55,606	7,228,727	
5	Nhận kết quả	Thực tiếp	1.0	37,071			1	130	37,071	4,819,281	
	TỔNG				0	8,000			324,077	42,130,055	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIÁN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

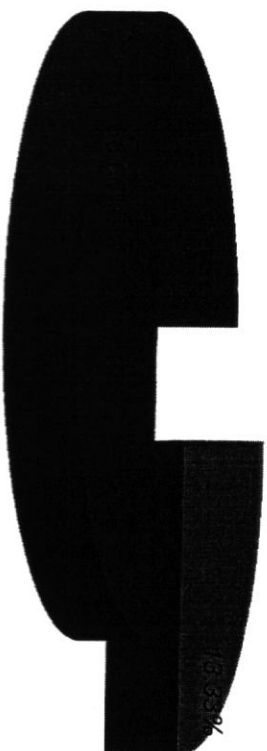
Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tờ khai đăng ký khai tử	Viết tờ khai	1.0	37,071			1	130	37,071	4,819,281	
1.2	Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Soạn thảo	1.0	37,072			1	130	37,072	4,819,411	
1.3	Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử.	Cung cấp giấy tờ cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự kiện chết	1.0	37,073			1	130	37,073	4,819,541	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	37,074			1	130	37,074	4,819,671	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không								0	
4	Công việc khác (nếu có)	Đi lại nộp, nhận kết quả	1.5	37,076			1	130	55,615	7,229,897	
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	37,077			1	130	37,077	4,820,061	
		TỔNG			0				240,984	31,327,863	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



1000

BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 4230 /BC-UBND ngày 16 /12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (Trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử) 1.001766.000.00.00.H48
2. Lĩnh vực	Hộ tịch
3. Văn bản quy định về TTHC	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hộ tịch năm 2014.- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	UBND thành phố Quảng Ngãi
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	<p>a) Đối với quản lý nhà nước:</p> <p>Mục tiêu a.1: Đảm bảo quản lý hoạt động hộ tịch trên địa bàn thành phố.</p> <p>Mục tiêu a.2: Đảm bảo quyền lợi của công dân trong hoạt động hộ tịch</p> <p>b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:</p> <p>Mục tiêu b.1: Cá nhân thực hiện TTHC nhanh, gọn, tiết kiệm thời gian</p> <p>Mục tiêu b.2:</p>

<p>2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>a) Có thay đổi hay không?</p> <p>- Mục tiêu a.1: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không</p> <p>- Mục tiêu a.2: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không</p> <p>- Mục tiêu b.1: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không</p> <p>- Mục tiêu b.2: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không</p> <p>b) Có được đáp ứng hay không?</p> <p>- Mục tiêu a.1: <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không</p> <p>- Mục tiêu a.2: <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không</p> <p>- Mục tiêu b.1: <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không</p> <p>- Mục tiêu b.2: <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không</p>
<p>3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>a) Duy trì TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>b) Bãi bỏ TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>c) Thay thế TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bổ sung quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP nội dung : “3. Trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch thì không phải có văn bản ủy quyền của người có trách nhiệm đăng ký khai tử nhưng phải thông nhất với người có trách nhiệm đăng ký khai tử về các nội dung đăng ký khai tử”.</p> <p>Lý do:</p> <p>- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch năm 2014, người có trách nhiệm đi khai tử là vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết.</p>

	<p>- Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định: “Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 Luật hộ tịch (sau đây gọi là yêu cầu đăng ký hộ tịch) được ủy quyền cho người khác thực hiện thay;... Việc ủy quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực”. Việc quy định phải có văn bản ủy quyền đối với các trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử là không cần thiết.</p> <p>e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p>
<p>4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>
<p>III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẦU THÀNH TTHC</p>	
<p>1. Tên thủ tục hành chính</p>	
<p>Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>2. Trình tự thực hiện</p>	
<p>a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>3. Cách thức thực hiện</p>	
<p>Có được quy định đầy đủ, rõ</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>

ràng và phù hợp không?	
4. Hồ sơ	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do: - Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch năm 2014, người có trách nhiệm đi khai tử là vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết. - Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định: “Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 Luật Hộ tịch (sau đây gọi là yêu cầu đăng ký hộ tịch) được ủy quyền cho người khác thực hiện thay; ... Việc ủy quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực”. Việc quy định phải có văn bản ủy quyền đối với các trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử là không cần thiết. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Bổ sung quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP nội dung : “3. Trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch thì không phải có văn bản ủy quyền của người có trách nhiệm đăng ký khai tử nhưng phải thống nhất với người có trách nhiệm đăng ký khai tử về các nội dung đăng ký khai tử”.</p>
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>

Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?		Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
6. Cơ quan giải quyết			
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?		Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?		Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
7. Đối tượng thực hiện			
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?		Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>	
(i) Lý do:	
(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):	
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?		Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>	
8. Phí, lệ phí			
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?		- Phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Chi phí khác: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?		- Về phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	

	- Về mức phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Về mức lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Mẫu đơn, tờ khai 1: Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu.	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Ghi rõ kính gửi tên cơ quan đăng ký khai tử: - Nội dung 2: Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu: - Nội dung 3: Nơi cư trú: - Nội dung 4: Giấy tờ tùy thân:

	- Nội dung 5: Quan hệ với người chết: - Nội dung 6: Đề nghị cơ quan đăng ký khai tử cho người có tên dưới đây (Họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; dân tộc; nơi cư trú cuối cùng; giấy tờ tùy thân; đã chết vào lúc...; nguyên nhân chết; số Giấy báo tử): - Nội dung 7: Cam đoan: Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: Đề thu thập đầy đủ và xác minh tính chính xác của thông tin để phục vụ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết thủ tục hành chính (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:	
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
10. Yêu cầu, điều kiện		
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?		
11. Kết quả thực hiện		
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	

b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật <input type="checkbox"/>
b) Pháp lệnh <input type="checkbox"/>
c) Nghị định <input type="checkbox"/>
d) Quyết định của TTCP <input type="checkbox"/>
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch <input checked="" type="checkbox"/>	Bổ sung quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch nội dung sau: “3. Trường hợp người đi đăng ký khai tử là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm đăng ký khai tử theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch thì không phải có văn bản ủy quyền của người có trách nhiệm đăng ký khai tử nhưng phải thống nhất với người có trách nhiệm đăng ký khai tử về các nội dung đăng ký khai tử”.
e) Quyết định của Bộ trưởng <input type="checkbox"/>
g) Văn bản khác <input type="checkbox"/>

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE DO NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI CẤP

(ĐỔI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM)
 (Kèm theo Báo cáo số 710/BC-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

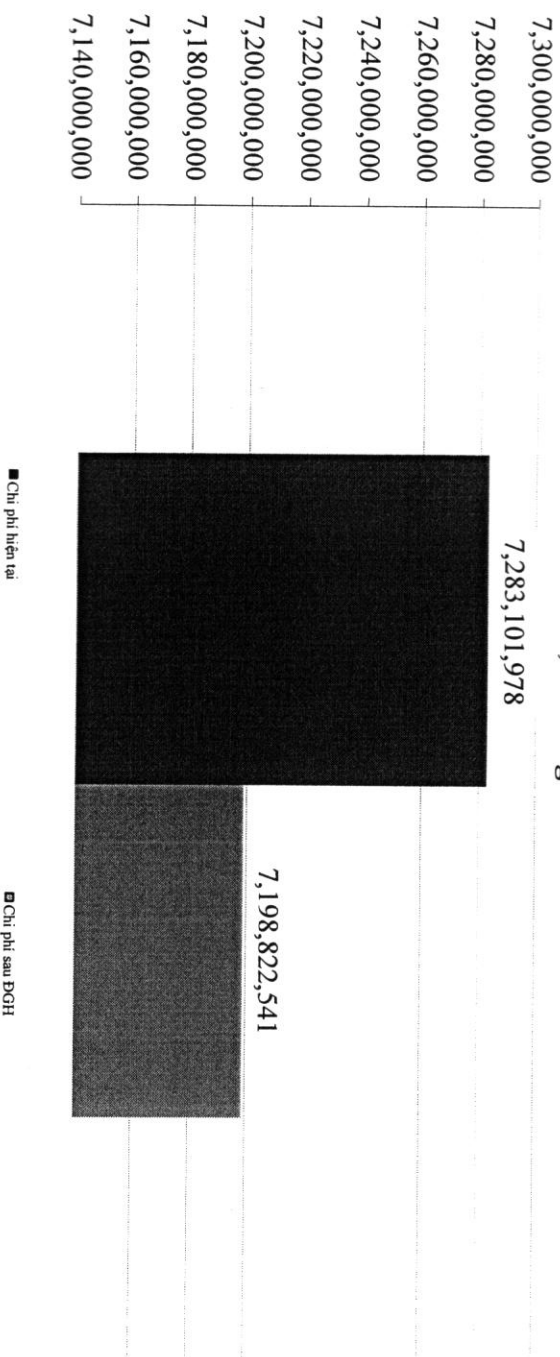
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Chi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe	Làm đơn	1.0	37,064			1	9,456	37,064	350,477,184	
1.2	Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam)	Photo chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân				1,500	1	9,456	1,500	14,184,000	
1.3	Bản sao giấy phép lái xe	Chi phí đi lại để photo Chi phí đi lại để photo Photo giấy phép lái xe	0.2	37,064		1,500	1	9,456	7,413	70,095,437	
1.4	Giấy khám sức khỏe của người lái xe	Chi phí khám sức khỏe Chi phí đi lại để khám sức khỏe	3	37,064		295,000	1	9,456	295,000	2,789,520,000	
2	Nộp hồ sơ	Thời gian đi lại để nộp hồ sơ trực tiếp (1 lượt đi, 1 lượt về) Chi phí đi lại	2.0	37,064		0	1	9,456	74,128	350,477,184	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Lệ phí cấp giấy phép lái xe				135,000	1	9,456	135,000	1,276,560,000	
4	Công việc khác (nếu có)	Không									
5	Nhận kết quả	Thời gian đi lại để nhận kết quả trực tiếp (1 lượt đi, 1 lượt về) Chi phí đi lại	2.0	37,064		0	1	9,456	74,128	350,477,184	
TỔNG					0	533,000		9,456	844,338	7,283,101,978	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

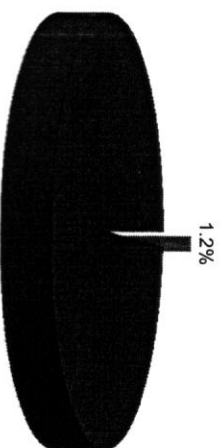
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe	Làm đơn	1.0	37,064			1	9,456	37,064	350,477,184	
1.2	Bản sao giấy phép lái xe	Chi phí đi lại để photo Photo giấy phép lái xe	0.2	37,064		1,500	1	9,456	7,413	70,095,437	
1.3	Giấy khám sức khỏe của người lái xe	Chi phí khám sức khỏe Chi phí đi lại để khám sức khỏe	3	37,064		295,000	1	9,456	295,000	2,789,520,000	
2	Nộp hồ sơ										
		Thời gian đi lại để nộp hồ sơ trực tiếp (1 lượt đi, 1 lượt về)	2.0	37,064		0	1	9,456	74,128	350,477,184	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
		Chi phí đi lại				50,000	1	9,456	50,000	472,800,000	
		Lệ phí cấp giấy phép lái xe				135,000	1	9,456	135,000	1,276,560,000	
4	Công việc khác (nếu có)										
		Không									
5	Nhận kết quả										
		Thời gian đi lại để nhận hồ sơ trực tiếp (1 lượt đi, 1 lượt về)	2.0	37,064		0	1	9,456	74,128	350,477,184	
		Chi phí đi lại				50,000	1	9,456	50,000	472,800,000	
	TỔNG										7,198,822,541

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số 10 /BC-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Đối giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (đối với người Việt Nam) 1.002809.000.00.00.H48
2. Lĩnh vực	Đường bộ
3. Văn bản quy định về TTHC	<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của bộ trưởng bộ giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	<p>a) Đối với quản lý nhà nước:</p> <p>Mục tiêu a.1: Đảm bảo quản lý việc cấp, đổi giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Mục tiêu a.2:</p> <p>b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:</p>

<p>2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>Mục tiêu b.1: Người lái xe tham gia giao thông đủ điều kiện điều kiện phương tiện theo quy định. Mục tiêu b.2:</p> <p>a) Có thay đổi hay không?</p> <table border="0"> <tr> <td>- Mục tiêu a.1:</td> <td><input type="checkbox"/> Có</td> <td><input checked="" type="checkbox"/> Không</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu a.2:</td> <td><input type="checkbox"/> Có</td> <td><input checked="" type="checkbox"/> Không</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu b.1:</td> <td><input type="checkbox"/> Có</td> <td><input checked="" type="checkbox"/> Không</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu b.2:</td> <td><input type="checkbox"/> Có</td> <td><input checked="" type="checkbox"/> Không</td> </tr> </table> <p>b) Có được đáp ứng hay không?</p> <table border="0"> <tr> <td>- Mục tiêu a.1:</td> <td><input checked="" type="checkbox"/> Có</td> <td><input type="checkbox"/> Không</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu a.2:</td> <td><input checked="" type="checkbox"/> Có</td> <td><input type="checkbox"/> Không</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu b.1:</td> <td><input checked="" type="checkbox"/> Có</td> <td><input type="checkbox"/> Không</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu b.2:</td> <td><input checked="" type="checkbox"/> Có</td> <td><input type="checkbox"/> Không</td> </tr> </table>	- Mục tiêu a.1:	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	- Mục tiêu a.2:	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	- Mục tiêu b.1:	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	- Mục tiêu b.2:	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	- Mục tiêu a.1:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	- Mục tiêu a.2:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	- Mục tiêu b.1:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	- Mục tiêu b.2:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
- Mục tiêu a.1:	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không																							
- Mục tiêu a.2:	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không																							
- Mục tiêu b.1:	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không																							
- Mục tiêu b.2:	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không																							
- Mục tiêu a.1:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không																							
- Mục tiêu a.2:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không																							
- Mục tiêu b.1:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không																							
- Mục tiêu b.2:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không																							
<p>3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>a) Duy trì TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do:</p> <p>b) Bãi bỏ TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do:</p> <p>c) Thay thế TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do:</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: <input checked="" type="checkbox"/> Sửa đổi khoản 3 Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải): Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân”.</p> <p>Lý do: Hiện nay, Chính phủ đang triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử</p>																								

	<p>phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022 -2025, tầm nhìn đến năm 2030; theo đó, khi thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Công Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Như vậy, khi thực hiện thủ tục Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp đổi với người Việt Nam thì việc quy định thành phần hồ sơ gồm bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân là không cần thiết bởi vì thông tin này đã được cập nhật đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Dựa trên thông tin được khai đầy đủ trong Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép lái xe của công dân là công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh có thể truy cập Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tra cứu đầy đủ thông tin liên quan đến giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của công dân đó.</p> <p>e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p>
<p>4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>
<p>III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CỬU THÀNH TTHC</p>	
<p>1. Tên thủ tục hành chính</p>	
<p>Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>2. Trình tự thực hiện</p>	
<p>a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>b) Có được quy định hợp lý</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>

giữa các bước không?	
3. Cách thức thực hiện	
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?	<input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
4. Hồ sơ	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?</p>	<input type="checkbox"/> Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <p>(i) Lý do: Hiện nay, Chính phủ đang triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022 -2025, tầm nhìn đến năm 2030; theo đó, khi thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Công Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính theo nguyên tắc không yêu cầu khai thủ tục Đòi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp đối với người Việt Nam thì việc quy định thành phần hồ sơ gồm bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân là không cần thiết bởi vì thông tin này đã được cập nhật đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Dựa trên thông tin được khai đầy đủ trong Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép lái xe của công dân là công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh có thể truy cập Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tra cứu đầy đủ thông tin liên quan đến giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của công dân đó.</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Sửa đổi khoản 3 Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải): Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam)”.</p>
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng	<input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không

không?	
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> _____
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: _____
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác	- Phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>

không?	- Lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Về phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	(i) Lý do: Không thu phí..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Về mức lệ phí: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

Mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe

<p>a) Nội dung thông tin</p>	<p>- Nội dung 1: Ghi rõ kính gửi tên cơ quan đăng ký đổi, cấp lại giấy phép lái xe</p> <p>- Nội dung 2: Tên cá nhân xin cấp, đổi giấy phép lái xe.....</p> <p>- Nội dung 3: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....</p> <p>- Nội dung 4: Nơi cư trú:.....</p> <p>- Nội dung 5: Đã học lái xe tại:.....</p> <p>- Nội dung 6: Đã có giấy phép lái xe</p> <p>- Nội dung 6: Đề nghị cơ quan đăng ký đổi, cấp lại giấy phép lái xe đổi, cấp lại giấy phép lái xe cho người làm đơn đề nghị:.....</p> <p>- Nội dung 7: Cam đoan:</p> <p>Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do: Để cơ quan quản lý kiểm tra cá nhân đã được cấp giấy phép lái xe hạng gì và có bị vi phạm luật giao thông đường bộ hay không.</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p>
<p>b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)</p>	<p>Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu KHÔNG, nêu rõ:</p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý:</p>
<p>c) Ngôn ngữ</p>	<p>Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>10. Yêu cầu, điều kiện</p>	
<p>TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?</p> <p>- Giấy phép lái xe bằng giấy bìa đang lưu hành còn thời hạn sử dụng được đổi sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET.</p> <p>- Người có Giấy phép lái xe có thời hạn thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng; Giấy phép lái xe bị hỏng còn thời</p>	
<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p>	

hạn sử dụng.	<p>- Người có Giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ được đổi Giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống.</p> <p>- Trường hợp năm sinh, họ, tên, tên đệm ghi trên Giấy phép lái xe có sai lệch so với năm sinh, họ, tên, tên đệm trên giấy chứng minh nhân dân.</p> <p>- Giấy phép lái xe có số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn in trên giấy phép lái xe trùng với số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn trong hệ thông tin quản lý giấy phép lái xe (Giấy phép lái xe hợp lệ).</p>
--------------	--

11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật	<input type="checkbox"/>
b) Pháp lệnh	<input type="checkbox"/>
c) Nghị định	<input type="checkbox"/>

d) Quyết định của TTCP <input type="checkbox"/>
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch <input checked="" type="checkbox"/>	Sửa đổi khoản 3 Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải): Bỏ quy định thành phần hồ sơ “Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam)”.
e) Quyết định của Bộ trưởng <input type="checkbox"/>
g) Văn bản khác <input type="checkbox"/>

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ MÃ SỐ CƠ SỞ NUÔI, TRỒNG CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT RỪNG,
THỰC VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM NHÓM II VÀ ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT**

HOÀNG DÃ NGUY CẤP THUỘC PHỤ LỤC II VÀ III CITES

(Kèm theo Báo cáo số 130 /BC-UBND ngày 16 /12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



1. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

Sst	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; động vật hoang dã nguy cấp quý hiếm thuộc Phụ lục Cites (mẫu số 03 Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ)	Điện thông tin vào tờ đề nghị	1.00	37,064		500	1	40	37,564	1,502,576	
1.2	Phương án nuôi động vật hoang dã	Chủ cơ sở nuôi tự điện thôn tin vào mẫu phương án nuôi	3.00	37,064		1,500	1	40	112,693	4,507,727	
Văn bản pháp lý											
1.3	Bảng kê lâm sản	Photo	1/5	37,064		500	1	40	7,913	316,515	
1.4	Biên bản kiểm tra lâm sản của đơn vị sở tại	Photo	1/5	37,064		1,000	1	40	8,413	336,515	
1.5	Văn bản ý kiến gửi Viện Tài nguyên và sinh vật (gửi kèm Phương án nuôi)	Photo	1/5	37,064		2,000	1	40	9,413	376,515	
1.6	Văn bản khác (nếu có)	Photo	1/5	37,064		1,000	1	40	8,413	336,515	

1.7	Biên bản kiểm tra của đơn vị cấp mã số trại nuôi	Photo	2/5	37,064		2,000	1	40	16,826	673,030
1.8	Quyết định cấp mã số trại nuôi	Bản chính	1/5	37,064		500	1	40	7,913	316,515
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.00	37,064			1	40	37,064	1,482,576
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không								
4	Công việc khác (nếu có)	Đi lại nhận kết quả	3.00	37,064			1	40	111,193	4,447,727
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.00	37,064		0	1	40	37,064	1,482,576
	TỔNG					0			394,470	15,778,788

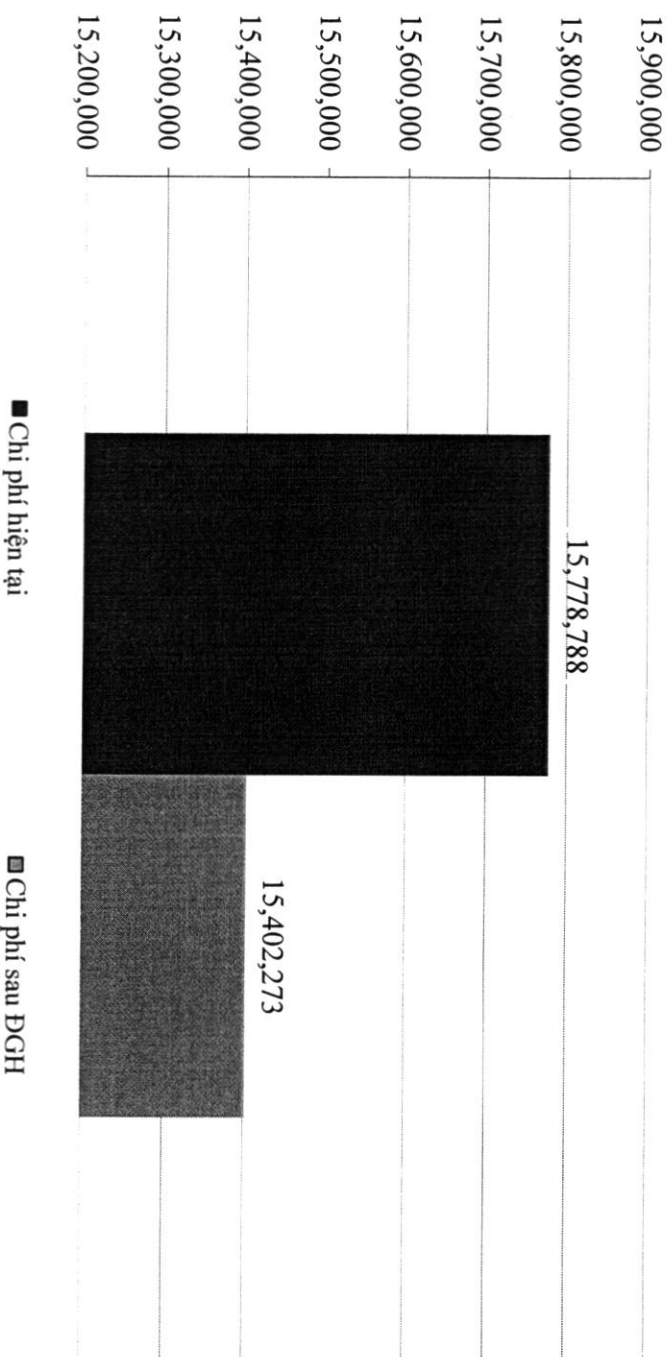
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢNH HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; động vật hoang dã nguy cấp quý hiếm thuộc Phụ lục Cites (mẫu số 03 Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ)	Điền thông tin vào tờ đề nghị	1.00	37,064		500	1	40	37,564	1,502,576	
1.2	Phương án nuôi động vật hoang dã	Chủ cơ sở nuôi tự điền thông tin vào mẫu phương án nuôi	3.00	37,064		1,500	1	40	112,693	4,507,727	
Văn bản pháp lý											
1.3	Bảng kê lâm sản	Photo	1/5	37,064		500	1	40	7,913	316,515	
1.4	Biên bản kiểm tra lâm sản của đơn vị sở tại	Photo	1/5	37,064		1,000	1	40	8,413	336,515	
1.5	Văn bản khác (nếu có)	Photo	1/5	37,064		1,000	1	40	8,413	336,515	

1.6	Biên bản kiểm tra của đơn vị cấp mã số trại nuôi	Photo	2/5	37,064														
1.7	Quyết định cấp mã số trại nuôi	Bản chính	1/5	37,064		2,000	1	40	16,826	673,030								
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.00	37,064		500	1	40	7,913	316,515								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không					1	40	37,064	1,482,576								
4	Công việc khác (nếu có)	Đi lại nhận kết quả	3.00	37,064			1	40	111,193	4,447,727								
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.00	37,064			1	40	37,064	1,482,576								
	TỔNG					7,000			385,057	15,402,273								

III. SO SÁNH CHI PHÍ

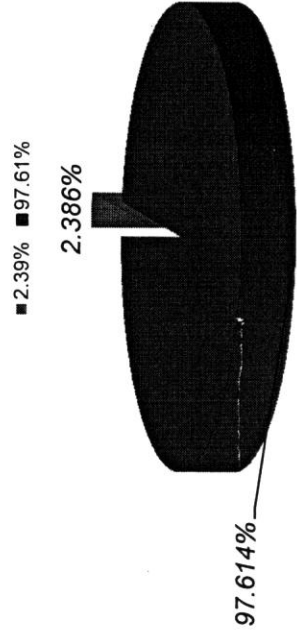
Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



■ Chi phí hiện tại

■ Chi phí sau DGH

Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số 230 /BC-UBND ngày 16 /12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngăn thấm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. 2.001426.000.00.00.H48
2. Lĩnh vực	Hoạt động Thủy lợi
3. Văn bản quy định về TTHC	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Đảm bảo quản lý hoạt động thăm định, phê duyệt, cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với hoạt động: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngăn thấm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Tạo điều kiện đơn giản thành phần hồ sơ trong TTHC, cá nhân thực hiện TTHC nhanh, gọn.
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>

<p>của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>- Mục tiêu b.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>b) Có được đáp ứng hay không?</p> <p>- Mục tiêu a.1: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Mục tiêu b.1: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>a) Duy trì TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>b) Bãi bỏ TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>c) Thay thế TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p>
<p>4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>
<p>III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC</p>	
<p>1. Tên thủ tục hành chính</p>	
<p>Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>2. Trình tự thực hiện</p>	
<p>a) Có được quy định đầy đủ, rõ</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>

ràng và phù hợp không?	
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
3. Cách thức thực hiện	
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp khó thực hiện được vì hầu hết công trình thủy lợi (đầu mối, kênh tưới) không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do những công trình thủy lợi đã được xây dựng từ trước khi Luật Đất đai có hiệu lực, trong đầu tư mới công trình Chủ đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình không lập thủ tục xin giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là không): Sửa đổi Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi, cụ thể bãi bỏ khoản 6 Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ: Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp.
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Về mức lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

	(i) Lý do:
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
	- Về chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
	(i) Lý do:
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
	(i) Lý do:
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
	(i) Lý do:
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	
	- Nội dung 1: Tên tổ chức:
	- Nội dung 2: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
	- Nội dung 3: Kính gửi cơ quan chuyên môn:
	- Nội dung 3: Địa chỉ, số điện thoại:
	- Nội dung 4: Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:
	+ Tên các hoạt động:
	+ Nội dung:
a) Nội dung thông tin	

	+ Vị trí của các hoạt động + Thời hạn đề nghị cấp phép...; từ... ngày... tháng năm... đến ngày... tháng... năm - Nội dung 5: Đề nghị cơ quan chuyên môn thẩm định trình UBND tỉnh cấp phép cho (tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên..... - Nội dung 6: Đại diện tổ chức, cá nhân ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu vào đơn Căn thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: Đề cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và yêu cầu để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết thủ tục hành chính (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Căn thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Căn thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 1: Hồ sơ đề nghị cấp phép phải đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị cấp phép. Hồ sơ đề nghị cấp phép được xem là hợp lệ khi đủ các nội dung quy định tại Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị kiểm tra, xác nhận.	Có hợp lý không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: Quy định về thời hạn thực hiện hoạt động. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật <input type="checkbox"/>
b) Pháp lệnh <input type="checkbox"/>
c) Nghị định <input checked="" type="checkbox"/>	Bãi bỏ khoản 6 Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
d) Quyết định của TTCP <input type="checkbox"/>
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch <input type="checkbox"/>
e) Quyết định của Bộ trưởng <input type="checkbox"/>
g) Văn bản khác <input type="checkbox"/>

CHI PHÍ TUẦN THỦ THỰC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP GIẤY PHÉP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI: XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỚI; LẬP BẾN, BÃI TẬP KẾT NGUYÊN LIỆU, NHẬN LIỆU, VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN; KHOAN, ĐÀO KHÁO SÁT ĐỊA CHẤT, THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOẢNG SÀN, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, KHAI THÁC NƯỚC ĐỒI ĐẤT; XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGĂN THỦỘC THĂM QUYỀN CẤP PHÉP CỦA UBND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 270/B

BC-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

1. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTTC HIỆN TẠI

Stt	Các công việc khi thực hiện TTTC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTTC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTTC/01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018)	Soạn thảo, in, đóng dấu	2.0	37,064		5,000	1	24	79,129	1,899,091	
1.2	Bản vẽ thiết kế thi công, thuyết minh thiết kế	Photo, đóng tập	3.0	37,065	50,000	50,000	1	24	211,196	5,068,708	
1.3	Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép	Photo Chi phí đi lại photo	1.0 1.0	37,066 37,067	20,000		1 1	24 24	57,066 37,067	1,369,593 889,617	
1.4	Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi	Photo, đóng tập	3.0	37,068		50,000	1	24	161,205	3,868,924	
1.5	Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi	Photo	0.5	37,069		5,000	1	24	23,535	564,833	
1.6	Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp	Soạn thảo, in, đóng dấu, photo Gửi lấy ý kiến	1.5 3.0	37,070 37,071		5,000	1 1	24 24	60,606 111,214	1,454,534 2,669,140	
2	Nộp hồ sơ	Đi lại nộp hồ sơ	3.0	37,072			1	24	111,217	2,669,212	

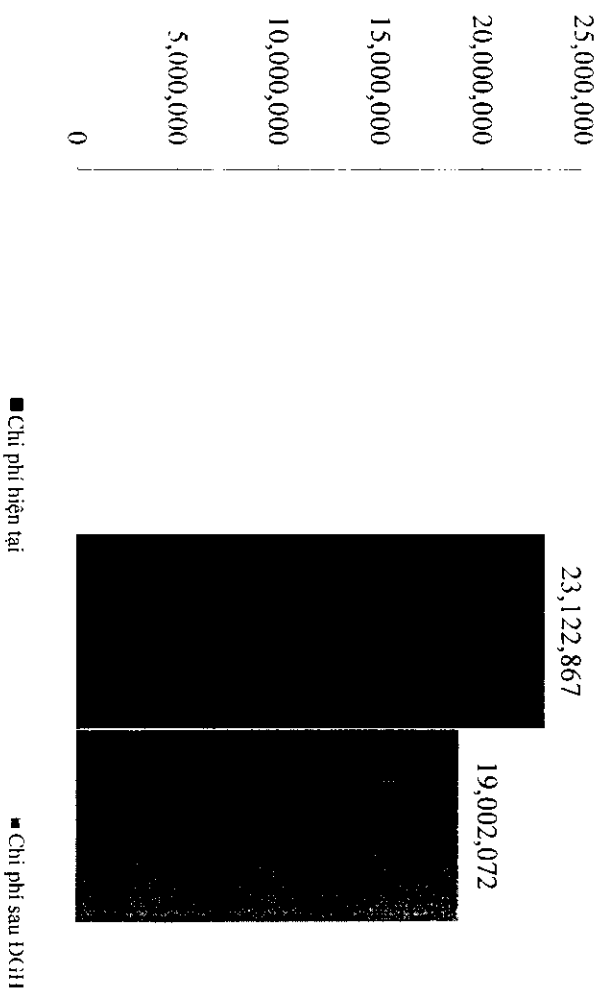
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không												
4	Công việc khác (nếu có)	Không												
5	Nhận kết quả	Đi lại nhận kết quả	3.0	37,072					1	24		111,217	2,669,212	
	TỔNG										70,000	115,000	963,453	23,122,867

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIÁN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

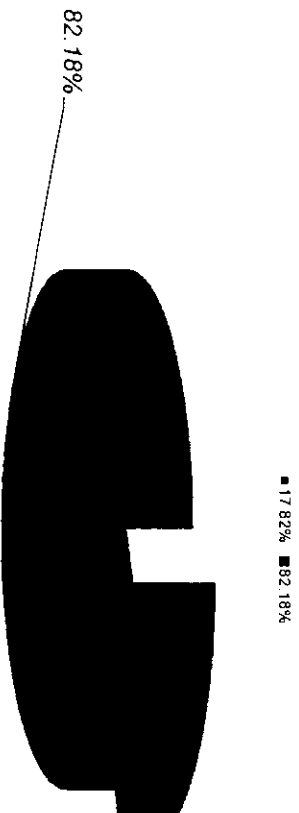
Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018)	Soạn thảo, in, đóng dấu	2.0	37,072		5,000	1	24	79,145	1,899,475	
1.2	Bản vẽ thiết kế thi công, thuyết minh thiết kế	Photo, đóng tập	3.0	37,073	50,000		1	24	211,220	5,069,284	
1.3	Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép	Photo Chi phí đi lại photo	1.0 1.0	37,074 37,075	20,000		1 1	24 24	57,074 37,075	1,369,785 889,809	
1.4	Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi	Photo, đóng tập	3.0	37,076		50,000	1	24	161,229	3,869,500	
1.5	Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi	Photo	0.5	37,077		5,000	1	24	23,539	564,929	
2	Nộp hồ sơ	Đi lại nộp hồ sơ	3.0	37,078			1	24	111,235	2,669,644	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không									
4	Công việc khác (nếu có)	Không									
5	Nhận kết quả	Đi lại nhận kết quả	3.0	37,078			1	24	111,235	2,669,644	
	TỔNG				70,000	110,000			791,753	19,002,072	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTTC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTTC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTTC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 730/TN.TG/BC-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. THÔNG TIN CHUNG



1. Tên TTHC
(+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)
Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II và III CITES
1.004815.000.00.00.H48

2. Lĩnh vực
Hoạt động lâm nghiệp

3. Văn bản quy định về TTHC

- Luật Lâm nghiệp năm 2017.
- Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp.
- Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp.

4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi

II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	<p>a) Đối với quản lý nhà nước:</p> <p>Mục tiêu a.1: Đảm bảo quản lý các trại nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh.</p> <p>b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:</p> <p>Mục tiêu b.1: Tạo điều kiện đơn giản thành phần hồ sơ trong TTHC, cá nhân thực hiện TTHC nhanh, gọn.</p>
---	---

<p>2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Mục tiêu b.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Mục tiêu b.1: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>a) Duy trì TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do: b) Bãi bỏ TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do: c) Thay thế TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do: d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: <input checked="" type="checkbox"/> Bỏ thành phần hồ sơ: Các loài động vật hoang dã thuộc Phụ Lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên. Lý do: Việc xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên của cùng 01 loài tại nhiều cơ sở nuôi sẽ trùng lặp nội dung tham vấn cũng như phúc đáp của Viện Tài nguyên và sinh vật làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính cũng như các chi phí có liên quan. e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): <input type="checkbox"/> Lý do:</p>
<p>4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>

sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?

III. RÀ SOÁT, DÀNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẦU THÀNH TTHC

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?

Có Không

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?

Có Không

b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?

Có Không

3. Cách thức thực hiện

Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không?

Có Không

4. Hồ sơ

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp

Có Không

hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>

b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Về mức phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Về mức lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Về chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về mức chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Mẫu đơn, tờ khai 1: Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục Cites	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Kính gửi cơ quan chuyên môn cấp tỉnh về cấp mã số cơ sở nuôi - Nội dung 2: Tên và địa chỉ tổ chức/ cá nhân đề nghị: - Nội dung 3: Địa chỉ cơ sở nuôi: - Nội dung 4: Nội dung đề nghị cấp đăng ký:

	<p>- Nội dung 5: Mục đích nuôi</p> <p>- Nội dung 6: Các loài nuôi, bao gồm: Tên loài (tên thông thường, tên khoa học). Số lượng (cá thể) Nguồn gốc</p> <p>- Nội dung 7: Danh mục hồ sơ gửi kèm đề nghị:</p> <p>- Nội dung 8: Đại diện tổ chức ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu; cá nhân ký, ghi rõ họ tên vào đề nghị cấp mã số</p> <p>Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do: Để thu thập đầy đủ và xác minh tính chính xác của thông tin để phục vụ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p>
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	<p>Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý:</p>
c) Ngôn ngữ	<p>Cần thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p>
Yêu cầu, điều kiện 1: Hồ sơ đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục Cites phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung. Hồ sơ đề nghị cấp	<p>Có hợp lý không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p>

mã số được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ, khoản 23 Điều 1 Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định hồ sơ kiểm tra, xác nhận.

11. Kết quả thực hiện

a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)

a) Luật <input type="checkbox"/>
b) Pháp lệnh <input type="checkbox"/>
c) Nghị định <input checked="" type="checkbox"/>	Sửa đổi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp. Bổ nội dung: Các loài động vật hoang dã thuộc Phụ Lục CITES thuộc các lớp thú,

	chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên.
d) Quyết định của TTCP <input type="checkbox"/>
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch <input type="checkbox"/>
e) Quyết định của Bộ trưởng <input type="checkbox"/>
g) Văn bản khác <input type="checkbox"/>

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP GIẤY PHÉP NƯỚI TRỒNG THỦY SẢN
THỰC THẨM QUYỀN CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số 230/HCB-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

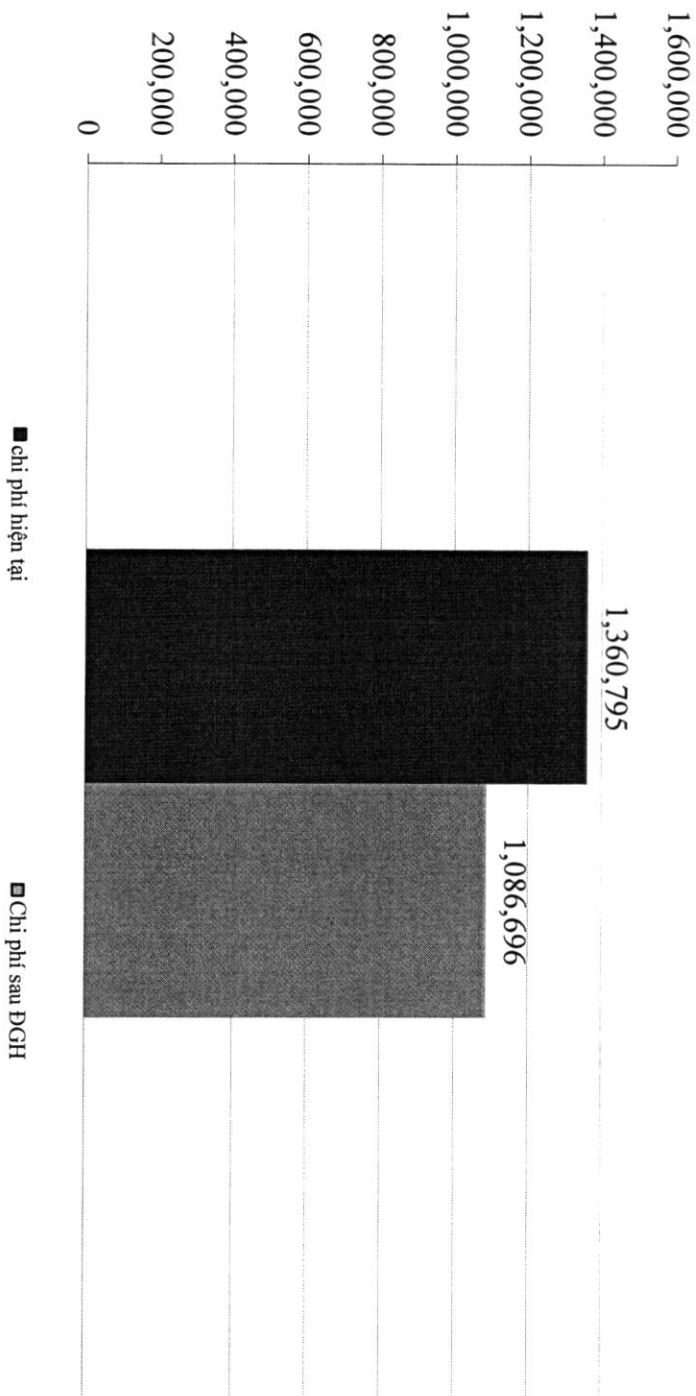
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể		Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
		Photo	Chi phí đi lại photo									
1	Chuẩn bị hồ sơ											
1.1	Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018)	Soạn thảo, in, đóng dấu		2.0	37,064		5,000	1	2	79,129	158,258	
1.2	Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép	Photo	Chi phí đi lại photo	1.0	37,064	20,000		1	2	37,064	74,129	
1.3	Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi	Photo, đóng tập		3.0	37,064		50,000	1	2	161,193	322,386	
1.4	Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi	Photo					5,000	1	2	5,000	10,000	
1.5	Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp	Soạn thảo, in, đóng dấu, photo		1.5	37,064		5,000	1	2	60,597	121,193	
2	Nộp hồ sơ	Gửi lấy ý kiến		3.0	37,064			1	2	111,193	222,386	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Đi lại nộp hồ sơ		3.0	37,064			1	2	111,193	222,386	
4	Công việc khác (nếu có)	Không										
5	Nhận kết quả	Đi lại nhận kết quả		3.0	31,676			1	2	95,028	190,056	
TỔNG						20,000	65,000			680,397	1,360,795	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

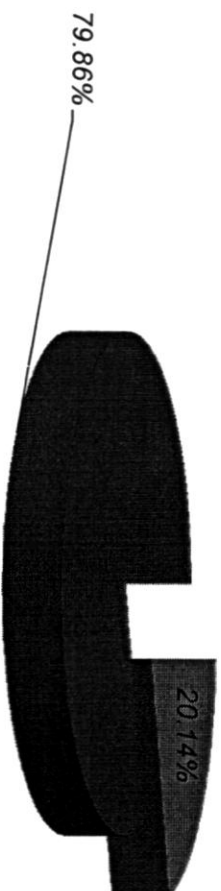
Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuần thử/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018)	Soạn thảo, in, đóng dấu	2.0	37,064		5,000	1	2	79,129	158,258	
1.2	Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép	Photo			20,000		1	2	20,000	40,000	
1.3	Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi	Chi phí đi lại photo	1.0	37,066			1	2	37,066	74,133	
1.4	Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi	Photo, đóng tập	3.0	37,067		50,000	1	2	161,202	322,404	
2	Nộp hồ sơ	Photo	0.5	37,068		5,000	1	2	23,534	47,068	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Đi lại nộp hồ sơ	3.0	37,069			1	2	111,208	222,416	
4	Công việc khác (nếu có)	Không									
5	Nhận kết quả	Đi lại nhận kết quả	3.0	37,069			1	2	111,208	222,416	
	TỔNG										
					20,000	60,000			543,348	1,086,696	

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung

■ 20.14% ■ 79.86%



BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh 2.001791.000.00.00.H48
2. Lĩnh vực	Hoạt động Thủy lợi
3. Văn bản quy định về TTHC	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Đảm bảo quản lý hoạt động thăm định, phê duyệt, cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Tạo điều kiện đơn giản thành phần hồ sơ trong TTHC, cá nhân thực hiện TTHC nhanh, gọn.
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Mục tiêu b.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Mục tiêu b.1: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

<p>3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>a) Duy trì TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do:</p> <p>b) Bãi bỏ TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do:</p> <p>c) Thay thế TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do:</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: <input type="checkbox"/> Lý do:</p> <p>e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): <input type="checkbox"/> Lý do:</p>
<p>4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>
<p>III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC</p>	
<p>1. Tên thủ tục hành chính</p>	
<p>Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>2. Trình tự thực hiện</p>	
<p>a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>3. Cách thức thực hiện</p>	

Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không?		Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
4. Hồ sơ		
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>	<p>(i) Lý do: Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp khó thực hiện được vì hầu hết công trình thủy lợi (đầu mối, kênh tưới) không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do những công trình thủy lợi đã được xây dựng từ trước khi Luật Đất đai có hiệu lực, trong đầu tư mới công trình Chủ đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công nhưng không lập thủ tục xin giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là không): Sửa đổi Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi, cụ thể bãi bỏ khoản 6 Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ: Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp.</p>
	b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	
5. Thời hạn giải quyết		
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
6. Cơ quan giải quyết		
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	

b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Về mức lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do:

	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy	
a) Nội dung thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 1: Tên tổ chức:..... - Nội dung 2: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi - Nội dung 3: Kính gửi cơ quan chuyên môn: - Nội dung 3: Địa chỉ, số điện thoại:..... - Nội dung 4: Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tên các hoạt động: + Nội dung: + Vị trí của các hoạt động + Thời hạn đề nghị cấp phép....; từ... ngày... tháng năm... đến ngày...tháng... năm - Nội dung 5: Đề nghị cơ quan chuyên môn thẩm định trình UBND tỉnh cấp phép cho (tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên..... - Nội dung 6: Đại diện tổ chức, cá nhân ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu vào đơn

	Căn thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: Để cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và yêu cầu để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết thủ tục hành chính (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Căn thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Căn thiết: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Hồ sơ đề nghị cấp phép phải đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị cấp phép. Hồ sơ đề nghị cấp phép được xem là hợp lệ khi đủ các nội dung quy định tại Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị kiểm tra, xác nhận.	
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: Quy định về thời hạn thực hiện hoạt động. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn	Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật <input type="checkbox"/>
b) Pháp lệnh <input type="checkbox"/>
c) Nghị định <input checked="" type="checkbox"/>	Bãi bỏ Khoản 6 Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
d) Quyết định của TTCP <input type="checkbox"/>
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch <input type="checkbox"/>
e) Quyết định của Bộ trưởng <input type="checkbox"/>
g) Văn bản khác <input type="checkbox"/>